

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HS-PT

Ngày 23-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vi Đức Trí

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đức Châm

Ông Lộc Sơn Thái

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:
Ông Tống Văn Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 101/2020/TLPT-HS ngày 05 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Chạc Hằng C và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 116/2020/HS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Chạc Hằng C, sinh ngày 18 tháng 12 năm 1970 tại Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đường P, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chạc Phán S và bà Nguyễn Ngọc M; chồng: Nguyễn Đình T; con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị tạm giữ từ ngày 11/02/2020 đến ngày 14/02/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Minh N, sinh ngày 05 tháng 4 năm 1973 tại Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 224, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Đường L, P4, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình C và bà Lê Thị T; chồng: Ngọc Anh T; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/12/1999, bị Công an thị xã Lạng Sơn,

tỉnh Lạng Sơn lập hồ sơ xử phạt về hành vi Buôn bán hàng trốn lậu thuế; ngày 28/9/2000 bị Công an tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính 5.000.000 đồng về hành vi buôn bán hàng nhập lậu; ngày 24/01/2003, bị Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn lập hồ sơ xử phạt hành chính về hành vi Hủy hoại tài sản. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2020 đến ngày 20/3/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

3. Đỗ Thị N, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1975 tại Ninh Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 347, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Thanh T (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); chồng: Đào Minh V; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: ngày 05/5/2014 bị Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2020 đến ngày 14/02/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

4. Nguyễn Thanh H, sinh ngày 26 tháng 4 năm 1982 tại Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 338, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị L; chồng: Đinh Quốc K; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2020 đến ngày 14/02/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

5. Nguyễn Tuyết M, sinh ngày 28 tháng 11 năm 1976 tại Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 381, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Kiên C và bà Mùi Thị Đ; chồng: Nguyễn Tiến B; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2007; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 18/01/2019, bị Công an phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2020 đến ngày 14/02/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

6. Vy Đức H, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1989 tại Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 405, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vy T và bà Nguyễn Thị Thanh B; vợ: Vũ Ngọc M; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/02/2020 cho đến nay; có mặt.

7. Dương Thị N, sinh ngày 01 tháng 3 năm 1989 tại Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 34, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số 32, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Công K (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; chồng: Hoàng Trung D (đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/02/2020 cho đến nay; có mặt.

8. Trần Thanh C, sinh ngày 01 tháng 9 năm 1985 tại Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số Ngõ 1, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Xuân T và bà Lý Thị N; vợ: Phạm Thị Kim O; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/02/2020; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 11/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã phát hiện Phan Trọng Q ghi lô đề số tiền 89.000 đồng và Lâm Văn T ghi lô đề số tiền 20.000 đồng với ông Nguyễn Tiến B tại quán nhà ông Nguyễn Tiến B (có vợ là Nguyễn Tuyết M) tại địa chỉ: Số 381, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, thu giữ 02 mảnh giấy vỏ bao thuốc lá ghi số lô đề. Cùng ngày, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Tuyết M, Đỗ Thị N, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Minh N, Chạc Hằng C, thu giữ một số đồ vật, tài sản.

Quá trình điều tra xác định Dương Thị N và Trần Thanh C là người chơi lô đề; Nguyễn Tuyết M, Nguyễn Thanh H, Đỗ Thị N, Vy Đức H, Nguyễn Minh N là thư ký lô đề; Chạc Hằng C là chủ lô đề.

Hàng ngày, sau khi ghi lô, đề xong, Đỗ Thị N, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Tuyết M nhắn tin chuyển số lô, đề cho Nguyễn Minh N để hưởng phần trăm lợi nhuận. Nguyễn Minh N nhắn tin chuyển số lô đề cho Chạc Hằng C để hưởng phần trăm lợi nhuận. Ngoài chuyển số lô, đề cho Nguyễn Minh N, Nguyễn Tuyết M còn nhắn tin chuyển số lô, đề cho Vy Đức H để hưởng phần trăm lợi nhuận. Vy Đức H chuyển số lô đề cho một người có số điện thoại 0327831139, hiện nay Cơ quan điều tra chưa xác định rõ được lai lịch. Trong trường hợp chưa chuyển

được thì các thư ký giữ lại tự chịu thắng thua. Chạc Hằng C là người bán lô đề, trực tiếp tính thắng thua với người chơi lô đề.

Việc chơi lô đề giữa các bị cáo và người chơi khác đều dựa trên kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng hàng ngày. Đề được tính theo hai số cuối của giải đặc biệt; giải nhất tính theo hai số cuối của giải nhất; ba càng (ba số) tính theo ba số cuối của giải đặc biệt; xiên và lô tính theo hai số cuối của các giải thưởng; 01 điểm đề, giải nhất, ba càng, xiên tương ứng với 1.000 đồng, 01 điểm lô tương ứng với 23.000 đồng nhưng tùy theo người chơi cũng như các thư ký mà các bị cáo tính phần trăm khác nhau so với số tiền tương ứng; trường hợp người chơi thắng 01 điểm đề và 01 điểm giải nhất đều được 70.000 đồng, 01 điểm ba càng được 400.000 đồng, 01 điểm xiên 2 được 10.000 đồng, 01 điểm xiên 3 được 40.000 đồng, 01 điểm xiên 4 được 100.000 đồng, 01 điểm lô được 80.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc thì chủ đề, thư ký và người chơi tổng hợp thắng thua và thanh toán tiền trực tiếp cho nhau vào sáng hôm sau.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020, các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc, cụ thể như sau:

Trần Thanh C sử dụng số điện thoại 0984.036.246 nhắn tin chơi lô, đề đến số điện thoại 0977.985.725 của Nguyễn Thanh H với 19.400 điểm đề bằng 15.520.000 đồng (800 đồng/01 điểm), 900 điểm lô bằng 19.800.000 đồng (22.000 đồng/01 điểm), tổng số tiền chơi là 35.230.000 đồng, không trúng số nào. Số tiền Trần Thanh C đánh bạc là 35.230.000 đồng.

Dương Thị N sử dụng điện thoại số 0332.264.524 nhắn tin chơi lô đề đến số điện thoại 0334.859.518 của Đỗ Thị N với 8.675 điểm đề, bằng 6.332.750 đồng; 4.580 điểm giải nhất bằng 3.343.400 đồng; 210 điểm ba số bằng 153.300 đồng; 222 điểm lô bằng 4.839.600 đồng và 220 điểm lô xiên bằng 160.600 đồng (đề, giải nhất, ba số, lô xiên là 730 đồng/01 điểm, lô là 21.800 đồng/01 điểm). Tổng số tiền chơi lô đề của Dương Thị N là 14.829.650 đồng. Dương Thị N trúng 50 điểm đề bằng 3.500.000 đồng, 65 điểm giải nhất bằng 4.550.000 đồng, 131,5 điểm lô bằng 10.520.000 đồng, tổng số tiền trúng là 18.570.000 đồng. Tổng số tiền Dương Thị N đánh bạc là 33.399.650 đồng.

Ngoài nhận số đề từ Dương Thị N, Đỗ Thị N còn trực tiếp nhận số lô đề từ một số người chơi khác với số tiền là 6.661.500 đồng (3.650 điểm đề bằng 2.664.500 đồng, 100 điểm giải nhất bằng 73.000 đồng và 180 điểm lô bằng 3.924.000 đồng). Tổng số tiền Đỗ Thị N ghi được là 21.491.150 đồng. Đỗ Thị N giữ lại 7.635 điểm đề, 4.580 điểm giải nhất, 202 điểm lô và 220 điểm xiên, tương ứng số tiền 13.481.150 đồng; số còn lại Đỗ Thị N nhắn tin chuyển đến số điện thoại 0363.353.340 của Nguyễn Minh N 4.690 điểm đề, 100 điểm giải nhất, 210 điểm ba càng và 200 điểm lô với số tiền tương ứng là 7.940.000 đồng (Nguyễn Minh N tính với Đỗ Thị N đề, giải nhất, ba càng là 720 đồng/01 điểm, lô là 21.700 đồng/01 điểm). Số lô đề Đỗ Thị N chuyển cho Nguyễn Minh N người chơi trúng 90 điểm lô bằng 7.200.000 đồng. Số tiền Đỗ Thị N trúng là 25.770.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của Đỗ Thị N là 47.261.150 đồng.

Nguyễn Thanh H, ngoài ghi đề cho Trần Thanh C còn ghi cho một số người chơi khác như nhận từ số điện thoại 0395.599.638 của Tô Kim T 300 điểm đề bằng 240.000 đồng, 20 điểm lô bằng 440.000 đồng, số tiền Tô Kim T đánh lô đề là 680.000 đồng, trúng 25 điểm lô là 2.000.000 đồng; nhận từ số điện thoại 0936.468.985 là 10.000 điểm đề tương ứng với số tiền là 8.000.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thanh H ghi được là 44.000.000 đồng. Nguyễn Thanh H giữ lại 5.300 điểm đề, 920 điểm lô thành tiền là 24.240.000 đồng. Số còn lại chuyển đến số điện thoại 0363.353.340 của Nguyễn Minh N là 24.400 điểm đề thành tiền là 18.300.000 đồng (750 đồng/01 điểm). Tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Thanh H là 46.000.000 đồng.

Nguyễn Tuyết M dùng số điện thoại 0982.003.197 nhận số lô đề của các số điện thoại 0377.087.823, 0373.562.383, 0967.909.236 và một số người chơi trực tiếp khác (Nguyễn Tuyết M tính với người chơi đề là 800 đồng/01 điểm, lô là 22.000 đồng/01 điểm). Nguyễn Tuyết M đã nhận ghi 7.456 điểm đề bằng 5.964.800 đồng, 753 điểm lô bằng 16.566.000 đồng, với tổng số tiền là 22.530.800 đồng. Nguyễn Tuyết M giữ lại 60 điểm đề tương ứng 48.000 đồng, nhắn tin chuyển đến số điện thoại 0326.415.689 của Vy Đức H 7.275 điểm đề, 730 điểm lô, tương ứng số tiền 21.151.875 đồng (Vy Đức H tính với Nguyễn Tuyết M đề 725 đồng/01 điểm, lô 21.750 đồng/01 điểm). Số còn lại, Nguyễn Tuyết M sử dụng số điện thoại 0392.915.129 chuyển đến số điện thoại 0873.562.383 của Nguyễn Minh N 121 điểm đề và 23 điểm lô, tương ứng số tiền 589.730 đồng (Nguyễn Minh N tính với Nguyễn Tuyết M đề 730 đồng/01 điểm, lô 21.800 đồng/01 điểm). Số tiền người chơi với Nguyễn Tuyết M trúng là 10.400.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Tuyết M là 32.930.800 đồng.

Vy Đức H nhận số lô đề của Nguyễn Tuyết M chuyển cho, sau đó chuyển đến số điện thoại 0327.831.139 với 7.510 điểm đề và 730 điểm lô tương ứng số tiền 21.248.200 đồng. Người chơi với Vy Đức H trúng 120 điểm lô với số tiền 9.600.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của Vy Đức H là 30.848.000 đồng.

Nguyễn Minh N nhận số lô đề do Đỗ Thị N, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Tuyết M chuyển đến với số tiền là 26.829.730 đồng, tự chơi 1.100 điểm đề và 100 điểm ba số tương ứng số tiền 857.950 đồng. Số tiền Nguyễn Minh N nhận ghi và tự chơi là 27.687.680 đồng. Nguyễn Minh N giữ lại một phần, còn lại chuyển đến số điện thoại 0356.991.308 của Chạc Hằng C 25.970 điểm đề, 100 điểm đề ba số, tổng số tiền tương ứng là 18.640.000 đồng (715/01 điểm). Số tiền người chơi trúng là 8.000.000 đồng (số Nguyễn Minh N nhận từ Nguyễn Tuyết M, người chơi trúng 10 điểm lô bằng 800.000 đồng; số Nguyễn Minh N nhận từ Đỗ Thị N, người chơi trúng 90 điểm lô bằng 7.200.000 đồng). Tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Minh N là 35.687.680 đồng.

Chạc Hằng C nhận số lô đề từ Nguyễn Minh N chuyển đến với 25.970 điểm đề, 100 điểm đề ba số, tổng số tiền tương ứng là 18.640.000 đồng, không có số nào trúng. Tổng số tiền đánh bạc của Chạc Hằng C là 18.640.000 đồng.

Bản án Hình sự sơ thẩm số 116/2020/HS-ST ngày 17-8-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; căn cứ thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Chạc Hằng C, Nguyễn Minh N, Vy Đức H, Nguyễn Thanh C, Dương Thị N; xử phạt các bị cáo Chạc Hằng C, Nguyễn Minh N, Đỗ Thị N mỗi bị cáo 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù; xử phạt các bị cáo Vy Đức H, Nguyễn Tuyết M mỗi bị cáo 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; xử phạt các bị cáo Trần Thanh C, Dương Thị N 01 (một) năm tù (đều được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam). Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Các bị cáo Chạc Hằng C, Nguyễn Minh N, Đỗ Thị N, Vy Đức H, Nguyễn Tuyết M, Nguyễn Thanh H, Trần Thanh C, Dương Thị N đều kháng cáo xin hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo bổ sung thêm nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm đã kết án các bị cáo về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm; ngoài ra bị cáo Dương Thị N còn nộp thêm 01 Phiếu kết quả siêu âm thể hiện bị cáo có thai trên 04 tuần tuổi; các bị cáo: Chạc Hằng C nộp thêm 01 biên lai thu tiền quỹ ủng hộ nạn nhân chất độc da cam 500.000 đồng; bị cáo Nguyễn Minh N nộp 01 bằng công đức năm 2015; Nguyễn Thanh H nộp các Phiếu ghi nhận công đức, ủng hộ chương trình nhân ái, nuôi cháo tình thương; bị cáo Nguyễn Tuyết M nộp thêm Huân chương kháng chiến hạng nhì của bố chồng là ông Nguyễn Văn T; bị cáo Đỗ Thị N cùng chồng là Đào Minh V đang thờ cúng liệt sỹ Đào Minh K. Do vậy các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên do yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn thành phố nói riêng và tỉnh Lạng Sơn nói chung, nên các bị cáo không được hưởng án treo. Nhưng do các bị cáo có tình tiết mới nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo; đề nghị giảm hình phạt cho các bị cáo: Chạc Hằng C, Nguyễn Minh N, Đỗ Thị N mỗi bị cáo 07 tháng tù; các bị cáo: Nguyễn Thanh H, Vy Đức H, Dương Thị N mỗi bị cáo 06 tháng tù; bị cáo Nguyễn Tuyết M 05 tháng tù; bị cáo Trần Thanh C 04 tháng tù. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Bản án sơ thẩm đã tuyên, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có căn cứ để xác định: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 11/02/2020, các bị cáo Chạc Hằng C, Nguyễn Minh N, Vy Đức H, Đỗ Thị N, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Tuyết M, Trần Thanh C, Dương Thị N đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi lô, đề; ghi lô đề; bán lô đề, được thua bằng tiền, chi trả theo tỷ lệ quy định trước, căn cứ vào kết quả sổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày. Số tiền đánh bạc của mỗi bị cáo là: Chạc Hằng C 18.640.000 đồng, Nguyễn Minh N 35.687.680 đồng, Vy Đức H 30.848.200 đồng, Đỗ Thị N 47.261.150 đồng, Nguyễn Thanh H 46.000.000 đồng, Nguyễn Tuyết M 32.930.000 đồng, Trần Thanh C 35.320.000 đồng, Dương Thị N 33.399.650 đồng. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Chạc Hằng C, Nguyễn Minh N, Vy Đức H, Đỗ Thị N, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Tuyết M, Trần Thanh C, Dương Thị N về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Vy Đức H, Nguyễn Thanh H, Trần Thanh C, Dương Thị N, Nguyễn Minh N, Đỗ Thị N, Chạc Hằng C, Nguyễn Tuyết M thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng về nhân thân, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Mức hình phạt của Bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm. Ngoài ra các bị cáo: Chạc Hằng C nộp thêm 01 biên lai thu tiền quỹ ủng hộ nạn nhân chất độc da cam 500.000 đồng; bị cáo Nguyễn Minh N nộp 01 bằng công đức năm 2015; Nguyễn Thanh H nộp các Phiếu ghi nhận công đức, ủng hộ chương trình nhân ái, nôi cháo tình thương; bị cáo Dương Thị N nộp 01 phiếu kết quả siêu âm thể hiện bị cáo có thai trên 04 tuần tuổi; Nguyễn Tuyết M nộp thêm Huân chương kháng chiến hạng nhì của bố chồng là ông Nguyễn Văn T; bị cáo Đỗ Thị N đang cùng chồng là Đào Minh V đang thờ cúng liệt sỹ Đào Minh K. Mặc dù đây là tình tiết giảm nhẹ mới các bị cáo được hưởng tại cấp phúc thẩm. Tuy nhiên các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với số lượng tiền lớn và nhiều bị cáo tham gia. Các bị cáo Nguyễn Minh N, Nguyễn Thanh H, Đỗ Thị N, Nguyễn Tuyết M, Vy Đức H có vai trò tích cực, là thư ký ghi lô đề để hưởng phần trăm chênh lệch. Hơn nữa các bị cáo Nguyễn Minh N, Nguyễn Thanh H, Đỗ Thị N, Nguyễn Tuyết M ngoài ghi lô đề ra để chuyển cho chủ đề còn giữ lại tự chịu trách nhiệm. Do đó việc cấp cơ thẩm áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là đúng theo quy định của pháp luật. Với nhận định nêu trên, để bảo đảm cho công tác phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo. Tuy nhiên do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, nên cần giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vy Đức H, Nguyễn Thanh H, Trần Thanh C, Dương Thị N, Nguyễn Minh N, Đỗ Thị N, Chạc Hằng C, Nguyễn Tuyết M xin giảm nhẹ hình phạt; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 116/2020/HSST, ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn về phần hình phạt tù đối với các bị cáo, cụ thể:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo: Vy Đức H, Nguyễn Thanh H, Trần Thanh C, Nguyễn Minh N, Đỗ Thị N, Chạc Hằng C, Nguyễn Tuyết M.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Dương Thị N.

1. Về hình phạt:

1.1. Xử phạt bị cáo Chạc Hằng C 09 (chín) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ 03 (ba) ngày 11/02/2020 đến ngày 14/02/2020.

1.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N 09 (chín) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam 38 (ba mươi tám) ngày từ ngày 11/02/2020 đến ngày 20/3/2020.

1.3. Xử phạt bị cáo Vy Đức H 08 (tám) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

1.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 09 (chín) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ 03 (ba) ngày 11/02/2020 đến ngày 14/02/2020.

1.5. Xử phạt bị cáo Đỗ Thị N 09 (chín) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ 03 (ba) ngày 11/02/2020 đến ngày 14/02/2020.

1.6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuyết M 09 (chín) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ 03(ba) ngày 11/02/2020 đến ngày 14/02/2020.

1.7. Xử phạt bị cáo Trần Thanh C 08 (tám) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

1.8. Xử phạt bị cáo Dương Thị N 06 (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP L, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ, Tòa hình sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Đức Trí